

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025



MỤC LỤC

| | Trang |
|--|--------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 1 – 3 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT | |
| Bảng cân đối kế toán giữa niên độ | 5 – 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ | 8 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ | 9 – 26 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100830798 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 17 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VND
(Ba mươi lăm tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 3.500.000 cổ phần
Mã chứng khoán: ATS
Sàn giao dịch: HNX

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Xây dựng nhà để ở;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa; Đấu giá hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh); Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (trừ cung cấp suất ăn hàng không);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng trong khoảng thời gian cụ thể; Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng; Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền (trừ cung cấp suất ăn hàng không);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản (không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ ăn uống.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**2. Ban điều hành**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> |
|------------------------------|--------------------|----------------------|
| Ông Trần Phúc Thiên Ân | Chủ tịch | 19/04/2024 |
| Bà Trần Thị Thuý Hằng | Thành viên | 19/04/2024 |
| Ông Nguyễn Trương Quốc Cường | Thành viên độc lập | 19/04/2024 |

Ban kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> |
|----------------------|----------------|----------------------|
| Bà Lâm Thị Thanh Huệ | Trưởng ban | 19/04/2024 |
| Bà Đào Thị Ngọc Bích | Thành viên | 19/04/2024 |
| Bà Trần Thị Điệp | Thành viên | 19/04/2024 |

Ban Tổng Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> | <u>Ngày miễn nhiệm</u> |
|-------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Kiến Trúc | Tổng Giám đốc | 19/04/2024 | 21/03/2025 |
| Ông Trần Tự Lực | Tổng Giám đốc | 21/03/2025 | - |
| Ông Phạm Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | 23/02/2022 | - |

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|------------------------|----------------|
| Ông Trần Phúc Thiên Ân | Chủ tịch |

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ tài chính và sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-ATS ngày 08 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Công ty, chi tiết như sau:

| | |
|---|--|
| Tổ chức phát hành: | Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS |
| Mã chứng khoán: | ATS |
| Loại cổ phiếu phát hành: | cổ phiếu phổ thông |
| Mệnh giá: | 10.000 VND/cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: | 36.000.000 cổ phiếu |
| Phương thức chào bán: | chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp |
| Giá chào bán cổ phiếu: | 10.000 VND/cổ phiếu |
| Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: | Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần TV-TM-DV Địa ốc Hoàng Quân Bình Thuận |
| Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: | 360.000.000.000 VND |
| Thời gian dự kiến chào bán: | Năm 2025 – 2026 |

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nêu trên.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7. Phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



TRẦN PHÚC THIÊN AN
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2025



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Số: 162/2025/BCSX-HCM.01518

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS ("Công ty") được lập ngày 07 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



NGUYỄN NGỌC THUY DUNG
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2782-2024-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2025

NGUYỄN THỊ THUY TRANG
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 4128-2022-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

| | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 15.210.125.110 | 15.231.771.464 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 911.018.643 | 962.442.410 |
| Tiền | 111 | | 911.018.643 | 962.442.410 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 3.798.917.358 | 4.525.017.958 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 3.761.974.400 | 4.460.018.000 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 2.699.052.300 | 2.739.972.300 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.4 | 23.862.958 | 10.999.958 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.5 | (2.685.972.300) | (2.685.972.300) |
| Hàng tồn kho | 140 | 5.6 | 11.460.574 | 10.884.917 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 11.460.574 | 10.884.917 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 10.488.728.535 | 9.733.426.179 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 5.11 | 10.488.728.535 | 9.733.426.179 |
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 33.122.794.612 | 33.143.354.272 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 87.572.592 | 98.750.286 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.7 | 87.572.592 | 98.750.286 |
| Nguyên giá | 222 | | 213.124.969 | 213.124.969 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (125.552.377) | (114.374.683) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.8 | 33.000.000.000 | 33.000.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 33.000.000.000 | 33.000.000.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 35.222.020 | 44.603.986 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.9 | 35.222.020 | 44.603.986 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 48.332.919.722 | 48.375.125.736 |


CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS


Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

| | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 4.437.242.767 | 4.722.235.191 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 4.437.242.767 | 4.722.235.191 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.10 | 3.869.076.349 | 3.887.986.930 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.11 | 71.212.818 | 165.455.461 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 448.953.600 | 568.792.800 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 48.000.000 | 100.000.000 |
| Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 43.895.676.955 | 43.652.890.545 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.12 | 43.895.676.955 | 43.652.890.545 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 |
| Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 8.895.676.955 | 8.652.890.545 |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 8.652.890.545 | 8.454.150.329 |
| LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 242.786.410 | 198.740.216 |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 48.332.919.722 | 48.375.125.736 |


NGUYỄN THỊ HÀ
Người lập biểu


CHÂU THỊ SƯƠNG MAI
Kế toán trưởng



TRẦN PHÚC THIÊN AN
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS
Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

| | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND |
|--|-------|-------------|--|--|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 21.758.522.250 | 23.099.562.000 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần | 10 | | 21.758.522.250 | 23.099.562.000 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 20.253.027.620 | 21.524.912.351 |
| Lợi nhuận gộp | 20 | | 1.505.494.630 | 1.574.649.649 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 230.380 | 117.351 |
| Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.4 | 1.199.910.916 | 969.393.513 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 305.814.094 | 605.373.487 |
| Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| Chi phí khác | 32 | 6.5 | 1.864.866 | 422.862.933 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | (1.864.866) | (422.862.933) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 303.949.228 | 182.510.554 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 5.11 | 61.162.818 | 121.074.698 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 242.786.410 | 61.435.856 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.6 | 69 | 18 |


NGUYỄN THỊ HÀ
Người lập biểu


CHÂU THỊ SƯƠNG MAI
Kế toán trưởng


TRẦN PHÚC THIÊN ÂN
Chủ tịch
TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

| | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND |
|---|-----------|-------------|--|--|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 303.949.228 | 182.510.554 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 5.7 | 11.177.694 | 1.848.989 |
| (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 6.3 | (230.380) | (117.351) |
| Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 314.896.542 | 184.242.192 |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | | (29.201.756) | (510.785.547) |
| (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | | (575.657) | 54.957.728 |
| Tăng/(giảm) các khoản phải trả | 11 | | (190.749.781) | 672.154.966 |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 | | 9.381.966 | (44.872.963) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 5.11 | (155.405.461) | (171.311.619) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (51.654.147) | 184.384.757 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác | 21 | | - | (111.776.969) |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 230.380 | 117.351 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 230.380 | (111.659.618) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | - | - |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ | 50 | | (51.423.767) | 72.725.139 |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ | 60 | 5.1 | 962.442.410 | 6.907.158 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ | 70 | | 911.018.643 | 79.632.297 |

NGUYỄN THỊ HÀ
Người lập biểu

CHÂU THỊ SƯƠNG MAI
Kế toán trưởng

TRẦN PHÚC THIÊN ÂN
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100830798 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 17 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VND
(Ba mươi lăm tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 3.500.000 cổ phần
Mã chứng khoán: ATS
Sàn giao dịch: HNX

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Xây dựng nhà để ở;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa; Đấu giá hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh); Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (trừ cung cấp suất ăn hàng không);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng trong khoảng thời gian cụ thể; Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng; Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền (trừ cung cấp suất ăn hàng không);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản (không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ ăn uống.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Các đơn vị trực thuộc | Địa chỉ | Tình hình hoạt động |
|---|--|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Suất ăn Công nghiệp Atesco | Thôn Phú Long Ba, Xã Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội | Tạm ngưng hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 |
| Văn phòng giao dịch - Địa điểm kinh doanh Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS | Tầng 4, tòa nhà SHG số 8 đường Quang Trung, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội | Đang hoạt động |

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty là 41 người (31/12/2024: 44 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|-----------------------------|---------------------------------|
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 04 – 05 |

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.13 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.14 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Thành viên quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 30/06/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền mặt tồn quỹ – VND | 821.257.761 | 958.525.014 |
| Tiền gửi ngân hàng – VND | 89.760.882 | 3.917.396 |
| | 911.018.643 | 962.442.410 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 30/06/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải thu các khách hàng khác | | |
| Công ty TNHH Sumidenso Việt Nam | 3.761.974.400 | 4.460.018.000 |
| | 3.761.974.400 | 4.460.018.000 |

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 30/06/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Trả trước cho các nhà cung cấp khác | | |
| Công ty cổ phần Thực phẩm Thảo Nguyên Xanh | 1.654.917.300 | 1.654.917.300 |
| Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Kiến trúc Greendetech | 951.055.000 | 951.055.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 93.080.000 | 134.000.000 |
| | 2.699.052.300 | 2.739.972.300 |

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
|---|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| Phải thu các tổ chức, cá nhân khác | | | | |
| Đặt cọc thuê văn phòng | 23.862.958 | - | 10.999.958 | - |
| | 23.862.958 | - | 10.999.958 | - |

5.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | 30/06/2025 Dự phòng VND | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | 01/01/2025 Dự phòng VND |
|---|----------------------|----------------------|-------------------------------|----------------------|----------------------|-------------------------------|
| Trả trước cho người bán | | | | | | |
| Công ty cổ phần Thực phẩm Thảo Nguyên Xanh | Trên 3 năm | 1.654.917.300 | (1.654.917.300) | Trên 3 năm | 1.654.917.300 | (1.654.917.300) |
| Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Kiến trúc Greendetech | Trên 3 năm | 951.055.000 | (951.055.000) | Trên 3 năm | 951.055.000 | (951.055.000) |
| Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Quảng Châu | Trên 3 năm | 80.000.000 | (80.000.000) | Trên 3 năm | 80.000.000 | (80.000.000) |
| | | 2.685.972.300 | (2.685.972.300) | | 2.685.972.300 | (2.685.972.300) |

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND |
|-----------------------------|--|--|
| Số dư đầu kỳ | 2.685.972.300 | 2.685.972.300 |
| Trích lập dự phòng trong kỳ | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 2.685.972.300 | 2.685.972.300 |

5.6 Hàng tồn kho

| | 30/06/2025 | | 01/01/2025 | |
|-----------------|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Nguyên vật liệu | 11.460.574 | - | 10.884.917 | - |
| | 11.460.574 | - | 10.884.917 | - |

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Cộng VND |
|--|-------------------------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 213.124.969 | 213.124.969 |
| Tăng trong kỳ | - | - |
| Tại ngày 30/06/2025 | 213.124.969 | 213.124.969 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 114.374.683 | 114.374.683 |
| Khấu hao trong kỳ | 11.177.694 | 11.177.694 |
| Tại ngày 30/06/2025 | 125.552.377 | 125.552.377 |
| Giá trị còn lại | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 98.750.286 | 98.750.286 |
| Tại ngày 30/06/2025 | 87.572.592 | 87.572.592 |
| Trong đó: | | |
| Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 101.348.000 | 101.348.000 |
| Tại ngày 30/06/2025 | 101.348.000 | 101.348.000 |

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

| | 30/06/2025 | | | 01/01/2025 | | |
|--|-----------------------|-----------------|--------------------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | | | |
| Công ty cổ phần Đầu tư - Quản lý Bất động sản CPG | 33.000.000.000 | - | (*) | 33.000.000.000 | - | (*) |
| | 33.000.000.000 | - | | 33.000.000.000 | - | |

(*) Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| Tên công ty | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Vốn điều lệ | Tại ngày 30/06/2025 Số cổ phần Công ty nắm giữ | Tỷ lệ thực góp/VĐL % |
|--|---|---------------------|---|----------------------|
| Công ty cổ phần Đầu tư - Quản lý Bất động sản CPG | Số 0315172796 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29 tháng 7 năm 2025 do Sở tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp | 200.000.000.000 VND | 3.300.000 cổ phần | 16,50 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

| | 30/06/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 35.222.020 | 44.603.986 |
| | 35.222.020 | 44.603.986 |

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 30/06/2025 | | 01/01/2025 | |
|--|----------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | | | | |
| Công ty TNHH QT Food | 1.313.674.375 | 1.313.674.375 | 1.386.477.850 | 1.386.477.850 |
| Công ty TNHH Thực phẩm Dũng Lan | 707.571.024 | 707.571.024 | 55.668.000 | 55.668.000 |
| Công ty cổ phần thương mại, dịch vụ và xây dựng Trường Thịnh | 656.541.548 | 656.541.548 | 452.155.000 | 452.155.000 |
| Công ty TNHH thương mại dịch vụ Thực phẩm An Hà | 408.749.240 | 408.749.240 | 368.715.700 | 368.715.700 |
| Các nhà cung cấp khác | 782.540.162 | 782.540.162 | 1.624.970.380 | 1.624.970.380 |
| | 3.869.076.349 | 3.869.076.349 | 3.887.986.930 | 3.887.986.930 |

5.11 Thuế**Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ**

| | 30/06/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|-------------------------|-----------------------|----------------------|
| Thuế GTGT được khấu trừ | 10.488.728.535 | 9.733.426.179 |

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho hàng tiêu thụ trong nước là 0%, 8% và 10%.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2025 Phải nộp VND | Số phát sinh trong kỳ | | 30/06/2025 Phải nộp VND |
|--|-------------------------------|-----------------------|----------------------|-------------------------------|
| | | Số phải nộp VND | Số đã nộp VND | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 155.405.461 | 61.162.818 | (155.405.461) | 61.162.818 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 10.050.000 | 20.100.000 | (20.100.000) | 10.050.000 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 5.864.866 | (5.864.866) | - |
| Cộng | 165.455.461 | 87.127.684 | (181.370.327) | 71.212.818 |

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Chi phí thuế TNDN hiện hành được ước tính như sau:

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND |
|---|---|---|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 303.949.228 | 182.510.554 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán trước thuế: <i>Chi phí không được trừ</i> | 1.864.866 | 422.862.933 |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 305.814.094 | 605.373.487 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 61.162.818 | 121.074.698 |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.12 Vốn chủ sở hữu

5.12.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Cộng VND |
|---------------------------------|--|---|-----------------------|
| Tại ngày 01/01/2024 | 35.000.000.000 | 8.454.150.329 | 43.454.150.329 |
| Lãi trong 6 tháng đầu năm 2024 | - | 61.435.856 | 61.435.856 |
| Tại ngày 30/06/2024 | 35.000.000.000 | 8.515.586.185 | 43.515.586.185 |
| Lãi trong 6 tháng cuối năm 2024 | - | 137.304.360 | 137.304.360 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 35.000.000.000 | 8.652.890.545 | 43.652.890.545 |
| Tại ngày 01/01/2025 | 35.000.000.000 | 8.652.890.545 | 43.652.890.545 |
| Lãi trong 6 tháng đầu năm 2025 | - | 242.786.410 | 242.786.410 |
| Tại ngày 30/06/2025 | 35.000.000.000 | 8.895.676.955 | 43.895.676.955 |

5.12.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100830798 đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 17 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VND
(Ba mươi lăm tỷ đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 3.500.000 cổ phần
Mã chứng khoán: ATS
Sàn giao dịch: HNX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết vốn góp của các cổ đông:

| Cổ đông | 30/06/2025 | | 01/01/2025 | |
|--------------------|------------------|---------------|------------------|---------------|
| | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) |
| Ông Đỗ Duy Kiên | 866.060 | 24,74 | 866.060 | 24,74 |
| Bà Trần Thị Thanh | 347.700 | 9,93 | 347.700 | 9,93 |
| Bà Nguyễn Thị Thúy | 338.610 | 9,68 | - | - |
| Các cổ đông khác | 1.947.630 | 55,65 | 2.286.240 | 65,33 |
| | 3.500.000 | 100,00 | 3.500.000 | 100,00 |

5.12.3 Cổ phiếu

| | 30/06/2025 | 01/01/2025 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 3.500.000 | 3.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | 3.500.000 | 3.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | 3.500.000 | 3.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

5.13 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**Tài sản thuê ngoài**

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | VND |
|---------------------------|--------------------|
| Dưới 1 năm | 170.020.320 |
| Trên 1 năm đến dưới 5 năm | 28.717.920 |
| | 198.738.240 |

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND |
|----------------------------|--|--|
| Doanh thu cung cấp suất ăn | 21.758.522.250 | 23.099.562.000 |
| | 21.758.522.250 | 23.099.562.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND |
|--------------------------|---|---|
| Giá vốn cung cấp suất ăn | 20.253.027.620 | 21.524.912.351 |
| | 20.253.027.620 | 21.524.912.351 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND |
|------------------------|---|---|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 230.380 | 117.351 |
| | 230.380 | 117.351 |

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND |
|-------------------|---|---|
| Chi phí nhân viên | 713.080.000 | 722.724.000 |
| Phí thẩm định giá | 190.000.000 | - |
| Chi phí khác | 296.830.916 | 246.669.513 |
| | 1.199.910.916 | 969.393.513 |

6.5 Chi phí khác

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND |
|--------------|---|---|
| Phạt thuế | 1.864.866 | 365.477.436 |
| Chi phí khác | - | 57.385.497 |
| | 1.864.866 | 422.862.933 |

6.6 Lãi trên cổ phiếu**6.6.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND |
|--|---|---|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 242.786.410 | 61.435.856 |
| Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 242.786.410 | 61.435.856 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 3.500.000 | 3.500.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 69 | 18 |

6.6.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

6.7 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND |
|----------------------------------|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 18.028.249.220 | 19.170.212.951 |
| Chi phí nhân công | 2.937.858.400 | 3.077.423.400 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 11.177.694 | 1.848.989 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 395.156.009 | 123.747.497 |
| Chi phí khác | 80.497.213 | 121.073.027 |
| | 21.452.938.536 | 22.494.305.864 |

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Công ty đã thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp. Mặc dù sự thay đổi này không làm ảnh hưởng đến dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của Công ty nhưng cách thức trình bày chi tiết các luồng tiền từ hoạt động kinh doanh sẽ khác nhau giữa hai phương pháp. Để đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh, số liệu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp.

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 đến 5 năm VND | Tổng cộng VND |
|-----------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| Tại ngày 30/06/2025 | | | |
| Phải trả người bán | 3.869.076.349 | - | 3.869.076.349 |
| Phải trả khác và chi phí phải trả | 48.000.000 | - | 48.000.000 |
| | 3.917.076.349 | - | 3.917.076.349 |
| Tại ngày 31/12/2024 | | | |
| Phải trả người bán | 3.887.986.930 | - | 3.887.986.930 |
| Phải trả khác và chi phí phải trả | 100.000.000 | - | 100.000.000 |
| | 3.987.986.930 | - | 3.987.986.930 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 30/06/2025 | 31/12/2024 | 30/06/2025 | 31/12/2024 |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| <i>Các khoản cho vay và phải thu</i> | | | | |
| Phải thu khách hàng | 3.761.974.400 | 4.460.018.000 | 3.761.974.400 | 4.460.018.000 |
| Phải thu khác | 23.862.958 | 10.999.958 | 23.862.958 | 10.999.958 |
| <i>Tài sản tài chính sẵn sàng để bán</i> | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 911.018.643 | 962.442.410 | 911.018.643 | 962.442.410 |
| Đầu tư dài hạn | 33.000.000.000 | 33.000.000.000 | 33.000.000.000 | 33.000.000.000 |
| Tổng cộng | 37.696.856.001 | 38.433.460.368 | 37.696.856.001 | 38.433.460.368 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| <i>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i> | | | | |
| Phải trả người bán | 3.869.076.349 | 3.887.986.930 | 3.869.076.349 | 3.887.986.930 |
| Phải trả khác và chi phí phải trả | 48.000.000 | 100.000.000 | 48.000.000 | 100.000.000 |
| Tổng cộng | 3.917.076.349 | 3.987.986.930 | 3.917.076.349 | 3.987.986.930 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Tài sản bảo đảm

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

9. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận không được trình bày trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là thương mại và toàn bộ sản phẩm được tiêu thụ tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC**10.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

10.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND |
|---------------------------------------|---|---|
| Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc | | |
| • Ông Phạm Anh Tuấn | 242.400.000 | 236.100.000 |
| | 242.400.000 | 236.100.000 |

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty không có giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

10.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty không có giao dịch và số dư với các bên liên quan khác.

10.2 Sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ tài chính và sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-ATS ngày 08 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Công ty, chi tiết như sau:

| | |
|---|--|
| Tổ chức phát hành: | Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS |
| Mã chứng khoán: | ATS |
| Loại cổ phiếu phát hành: | cổ phiếu phổ thông |
| Mệnh giá: | 10.000 VND/cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: | 36.000.000 cổ phiếu |
| Phương thức chào bán: | chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp |
| Giá chào bán cổ phiếu: | 10.000 VND/cổ phiếu |
| Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: | Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần TV - TM - DV Địa ốc Hoàng Quân Bình Thuận |
| Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: | 360.000.000.000 VND |
| Thời gian dự kiến chào bán: | Năm 2025 – 2026 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

Sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ tài chính và sau ngày kết thúc kỳ tài chính (tiếp theo)

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nêu trên.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.



NGUYỄN THỊ HÀ
Người lập biểu



CHÂU THỊ SƯƠNG MAI
Kế toán trưởng



TRẦN PHÚC THIÊN ÂN
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2025

